TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHỢ LÁCH** TỈNH BẾN TRE	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 113/2024/HN-ST
Ngày: 15-04-2024
V/v: *"Ly hôn, tranh chấp về nuôi con".*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ LÁCH, TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Chí Hậu.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Tùng;

2. Ông Lê Anh Tuấn.

- T ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Diễm - T ký Tòa án nhân dân huyện Chợ Lách.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ lách tham gia phiên tòa: Bà Huỳnh T Thảo - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 04 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chợ Lách, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 391/2023/TLST-HNGĐ ngày 28 tháng 11 năm 2023 về việc: "*Ly hôn, tranh chấp nuôi con* " theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 27/2024/QĐXXST-HNGĐ, ngày 27 tháng 03 năm 2024, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Đào Thị Minh T, sinh năm 1998;

Địa chỉ: ấp M, xã T, huyện B, tỉnh Bến Tre.

2. Bị đơn: Ông Nguyễn Thành T, sinh năm 1994;

Địa chỉ: ấp L, xã P, huyện C, tỉnh Bến Tre.

Bà Đào Thị Minh T, ông Nguyễn Thành T có yêu cầu xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, văn bản trình bày ý kiến, đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt, nguyên đơn bà Đào Thị Minh T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông Nguyễn Thành T tự nguyện kết hôn vào năm 2020 và có đăng ký kết hôn tại UBND xã Mỹ Thạnh, huyện Ba Tri, tỉnh

Bến Tre ngày 14/01/2020. Sau khi kết hôn thời gian đầu sống cũng hạnh phúc, nhưng sau đó đến năm 2022 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng không còn tình cảm, không tìm được tiếng nói chung. Hiện bà và ông T đã sống ly thân từ năm 2022 đến nay. Nay bà xác định tình cảm vợ chồng không còn, không thể hàn gắn nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông T, không yêu cầu cấp dưỡng giữa vợ chồng sau khi ly hôn.

Về con chung: Có 01 con chung tên Nguyễn Đào Đan T, sinh ngày 01/01/2020 hiện đang sống chung với bà. Sau khi ly hôn, bà yêu cầu được quyền trực tiếp nuôi con chung, không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có.

Tại văn bản trình bày ý kiến ngày 15/4/2024, bị đơn ông Nguyễn Thành T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Ông đồng ý ly hôn với bà Đào Thị Minh T, không yêu cầu cấp dưỡng giữa vợ chồng sau khi ly hôn.

Về con chung: Có 01 con chung tên Nguyễn Đào Đan T, sinh ngày 01/01/2020 hiện đang sống chung với bà T. Sau khi ly hôn, ông đồng ý để con chung cho bà T được quyền trực tiếp nuôi con chung, ông không phải cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có.

* Phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử, T ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về quan điểm giải quyết vụ án:

+ Về hôn nhân: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Đào Thị Minh T đối với ông Nguyễn Thành T. Ghi nhận bà T, ông T không yêu cầu cấp dưỡng giữa vợ chồng sau khi ly hôn.

+ Về con chung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu được quyền trực tiếp nuôi con chung của bà Đào Thị Minh T. Ghi nhận bà T không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con.

+Về tài sản chung: Bà T, ông T khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

+ Về nợ chung: Bà T, ông T khai không có nên không xét đến.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Nguyên đơn bà Đào Thị Minh T và bị đơn ông Nguyễn Thành T đều có yêu cầu xét xử vắng mặt tại phiên tòa; Căn cứ Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bà T, ông T.

[2] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Đây là vụ án "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" được Tòa án xem xét giải quyết theo quy định tại Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và Gia đình năm 2014.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Đào Thị Minh T và ông Nguyễn Thành T tự nguyện kết hôn và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Mỹ Thạnh, huyện Ba Tri, tỉnh Bến Tre ngày 14/01/2020 và đã được cấp giấy chứng nhận kết hôn nên được xác định là hôn nhân hợp pháp. Theo bà T, nguyên nhân vợ chồng mâu thuẫn là do vợ chồng không còn tình cảm, không tìm được tiếng nói chung nên hôn nhân không còn hạnh phúc. Hiện bà và ông T đã sống ly thân từ tháng năm 2022 đến nay. Nay bà T xác định tình cảm vợ chồng không còn, không thể hàn gắn nên yêu cầu được ly hôn với ông T.

Xét thấy, mâu thuẫn giữa bà Đào Thị Minh T và ông Nguyễn Thành T thực tế là có xảy ra và giữa hai đã có có thời gian sống ly thân từ tháng năm 2022 đến nay. Với khoảng thời gian trên cũng đủ cho ông, bà suy nghĩ lại tình cảm vợ chồng thế nhưng cả hai cũng không tìm cho mình một biện pháp nào để khắc phục mâu thuẫn, hàn gắn lại tình cảm vợ chồng. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án cũng đã tiến hành thông báo cho ông T đến tham hòa giải nhằm hàn gắn lại tình cảm vợ chồng nhưng ông T không có mặt. Sau đó, ông T có văn bản trình bày ý kiến đồng ý ly hôn với bà T, không yêu cầu hòa giải đoàn tựu. Điều đó cho thấy tình trạng mâu thuẫn vợ chồng giữa bà T và ông T là đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, ly hôn là biện pháp tốt nhất nhằm đem lại tự do cho cả hai. Vì vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Đào Thị Minh T đối với ông Nguyễn Thành T là phù hợp theo quy định tại các Điều 51 và 56 của Luật hôn nhân và gia đình. Ghi nhận bà Thự, ông T không yêu cầu giải quyết cấp dưỡng giữa vợ chồng khi ly hôn.

- Về con chung và việc cấp dưỡng nuôi con: Quá trình chung sống, bà Đào Thị Minh T và ông Nguyễn Thành T có 01 con chung tên Nguyễn Đào Đan T, sinh ngày 01/01/2020 hiện đang sống chung với bà T. Sau khi ly hôn, bà

T yêu cầu được quyền trực tiếp nuôi con chung, không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con. Xét yêu cầu được quyền trực tiếp nuôi con chung của bà T là chính đáng, hiện cháu T là con gái và còn nhỏ (mới 04 tuổi) nên cần sự nuôi dưỡng, chăm sóc trực tiếp của người mẹ, phía ông T cũng đồng ý để con chung cho bà T nuôi dưỡng. Vì vậy việc giao con chung cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc là phù hợp với quy định tại Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình nên được xem xét chấp nhận. Ghi nhận bà T không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con.

+ Về tài sản chung, nợ chung: Bà T, ông T khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[4] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là phù hợp và có căn cứ nên được chấp nhận.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Bà T phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là là 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 28, 147, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84, 107, 116, 117 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Tòng vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

1/. Chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Đào Thị Minh T đối với ông Nguyễn Thành T. Cụ thể tuyên:

Bà Đào Thị Minh T được ly hôn với ông Nguyễn Thành T. Ghi nhận bà Đào Thị Minh T, ông Nguyễn Thành T không yêu cầu giải quyết cấp dưỡng giữa vợ chồng khi ly hôn.

2/. Về con chung và việc cấp dưỡng nuôi con: Bà Đào Thị Minh T được quyền trực tiếp nuôi hai con chung tên Nguyễn Đào Đan T, sinh ngày 01/01/2020. Ghi nhận bà Đào Thị Minh T không yêu cầu ông Nguyễn Thành T cấp dưỡng nuôi con.

Người không trực tiếp nuôi con được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được cản trở. Trong trường hợp người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con thì người trực tiếp nuôi con

có quyền yêu cầu Tòa án quyết định hạn chế quyền thăm nom con của người không trực tiếp nuôi con.

Vì lợi ích của con chung sau này, theo yêu cầu của bà T, ông T hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và việc cấp dưỡng nuôi con.

3/- Về tài sản chung: Bà Đào Thị Minh T, ông Nguyễn Thành T khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

4/- Về nợ chung: Bà Đào Thị Minh T, ông Nguyễn Thành T khai không có nên không xét đến.

5/. Về án phí:

Bà Đào Thị Minh T phải chịu là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà bà đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0001211 ngày 24/11/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chợ Lách, tỉnh Bến Tre. Bà Đào Thị Minh T đã nộp đủ án phí.

6/. Quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- *Các đương sự;*
- *VKSND huyện Chợ Lách;*
- *Chi cục T.H.A DS huyện Chợ Lách;*
- *Cơ quan đăng ký kết hôn;*
- *Lưu HSVA+VP.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

ĐÃ KÝ

Lê Chí Hậu